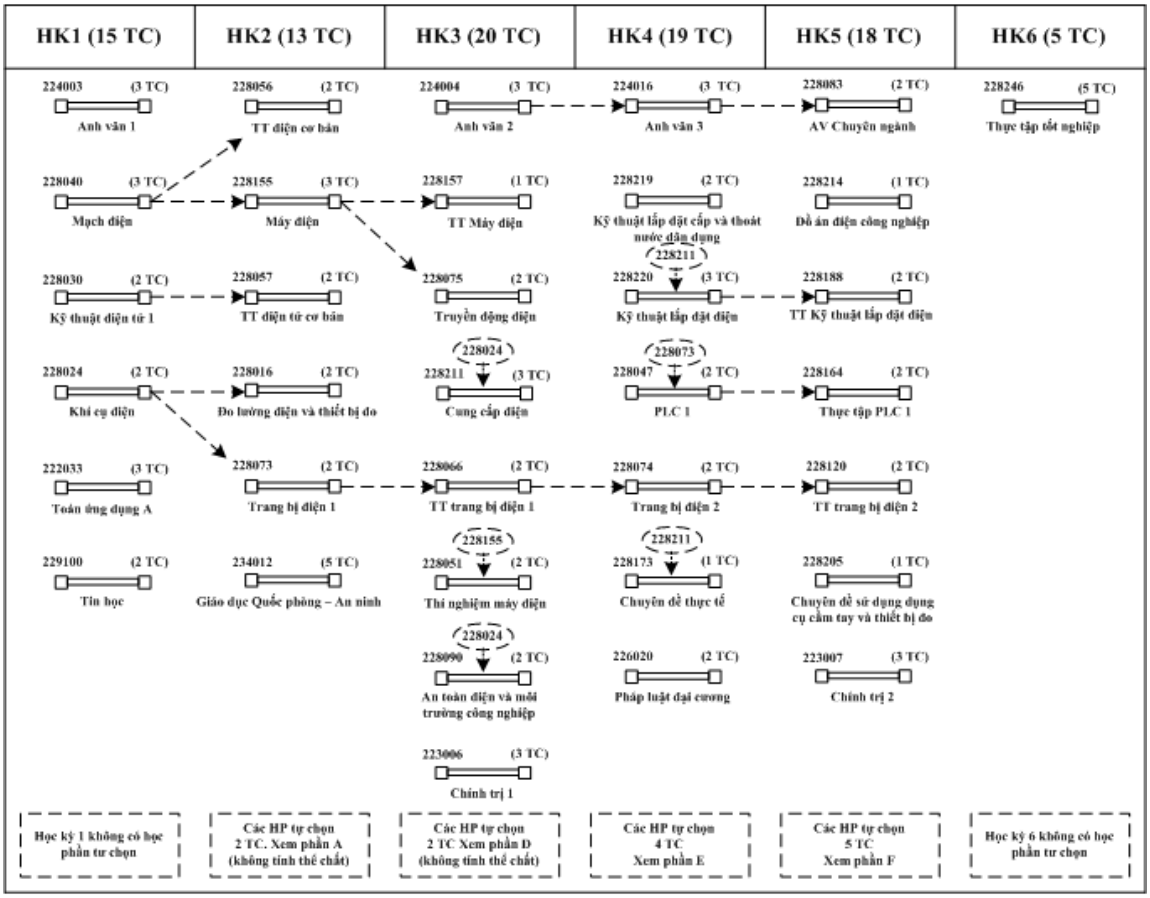
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐIỆN CÔNG NGHIỆP

(Áp dụng từ khóa 2017)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 15 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**15**	
1	229100	Tin học	2	
2	224003	Anh văn 1	3	
3	222033	Toán ứng dụng A	3	
4	228040	Mạch điện	3	
5	228030	Kỹ thuật điện tử 1	2	
6	228024	Khí cụ điện	2	
Học kỳ 2: 13 Tín chỉ (không tính học phần GDTC & GDQP)				
Học phần bắt buộc			**11**	
7	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	
8	228073	Trang bị điện 1	2	
9	228016	Đo lường điện và thiết bị đo	2	
10	228155	Máy điện	3	
11	228056	Thực tập điện cơ bản	2	
12	228057	Thực tập điện tử cơ bản	2	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
13.1	234002	Bóng chuyền 1	2	
13.2	234006	Bóng đá 1	2	
13.3	234007	Bóng rổ 1	2	
13.4	234008	Cầu lông 1	2	
13.5	234009	Aerobic 1	2	
Học phần tự chọn			**2**	
14.1	222010	Logic học đại cương	2	
14.2	229030	Tin học văn phòng	2	
14.3	227073	Lập trình C++	2	
Học kỳ 3: 20 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**18**	
15	223006	Chính trị 1	3	
16	224004	Anh văn 2	3	
17	228211	Cung cấp điện	3	
18	228075	Truyền động điện	2	
19	228090	An toàn điện và môi trường công nghiệp	2	
20	228157	Thực tập máy điện	1	
21	228051	Thí nghiệm máy điện	2	
22	228066	Thực tập trang bị điện 1	2	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	

23.1	234003	Bóng chuyền 2	2	
23.2	234010	Bóng đá 2	2	
23.3	234011	Bóng rổ 2	2	
23.4	234013	Cầu lông 2	2	
23.5	234014	Aerobic 2	2	
Học phần tự chọn			**2**	
24.1	228088	Vật liệu điện	2	
24.2	228229	Kỹ thuật điện lạnh (không chuyên)	2	
24.3	228034	Kỹ thuật số 1	2	
Học kỳ 4: 19 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**15**	
25	224016	Anh văn 3	3	
26	228047	PLC	2	
27	228220	Kỹ thuật lắp đặt điện	3	
28	228173	Chuyên đề thực tế	1	
29	228074	Trang bị điện 2	2	
30	228219	Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng	2	
31	226020	Pháp luật đại cương	2	
Học phần tự chọn			**2**	
32.1	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
32.2	226035	Soạn thảo văn bản	2	
32.3	226017	Môi trường và con người	2	
Học phần tự chọn			**2**	
33.1	228021	Hệ thống điện	2	
33.2	228006	Điện tử công suất	2	
33.3	228213	Điều khiển điện khí nén	2	
Học kỳ 5: 18 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**13**	
34	223007	Chính trị 2	3	
35	228164	Thực tập PLC 1	2	
36	228083	Anh văn chuyên ngành điện	2	
37	228214	Đồ án Điện công nghiệp	1	
38	228205	Chuyên đề sử dụng dụng cụ cầm tay và thiết bị đo	1	
39	228120	Thực tập trang bị điện 2	2	
40	228188	Thực tập lắp đặt điện	2	
Học phần tự chọn			**5**	
41.1	228100	Khóa luận tốt nghiệp	5	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
41.2	228231	CAD trong kỹ thuật điện	3	
41.3	228160	Autocad (Điện)	2	
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ				
42	228246	Thực tập tốt nghiệp	5	

CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN (90 TC)
(Dùng cho khối Cao Đẳng 2017)



CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN

